

監理団体の業務の運営に関する規程
Quy chế vận hành nghiệp vụ của tổ chức giám sát
Peraturan tentang Operasional Kegiatan Organisasi Pengawasan

事業所名：ASIA 外国人相互支援協同組合
Tên cơ sở: Hiệp hội Hỗ trợ lẫn nhau Người nước ngoài ASIA
Nama tempat usaha: Koperasi Dukungan Timbal Balik Warga Asing ASIA

第1 目的

Mục 1: Mục đích

Bagian 1: Tujuan

この規定は、外国人の技能実習の適正な実施及び技能実習生の保護に関する法律及びその関係法令（以下「技能実習関係法令」という。）に基づいて、本事業所において監理事業を行うに当たって必要な事項について、規程として定めるものです。

Quy định này được thiết lập dựa trên Luật về thực tập kỹ năng cho người nước ngoài và các quy định liên quan (sau đây gọi là "các quy định liên quan đến thực tập kỹ năng"), nhằm quy định các nội dung cần thiết để thực hiện công việc giám sát tại cơ sở này.

Peraturan ini ditetapkan berdasarkan Undang-Undang tentang Pelaksanaan Magang Keterampilan bagi Warga Negara Asing dan peraturan terkait (selanjutnya disebut "peraturan terkait magang keterampilan"), untuk menetapkan hal-hal yang diperlukan dalam menjalankan kegiatan pengawasan di tempat usaha ini.

第2 求人

Mục 2: Tuyển dụng

Bagian 2: Lowongan kerja

1 本事業所は、(取扱職種の範囲等)の技能実習に関するものの限り、いかなる求人の申込みについてもこれを受理します。

ただし、その申込みの内容が法令に違反する場合、その申込みの内容である賃金、労働時間その他の労働条件が通常の労働条件と比べて著しく不相当であると認める場合、又は団体監理型実習実施者等が労働条件等の明示をしない場合は、その申込みを受理しません。

Tổ chức này sẽ tiếp nhận mọi đơn đăng ký tuyển dụng liên quan đến thực tập kỹ năng trong phạm vi ngành nghề được xử lý. Tuy nhiên, nếu nội dung đăng ký vi phạm pháp luật, hoặc điều kiện lao động như tiền lương, thời gian làm việc được cho là không phù hợp so với điều kiện thông thường, hoặc nếu người thực hiện thực tập không nêu rõ điều kiện lao động, thì đơn sẽ không được chấp nhận.

Instansi ini menerima semua permohonan lowongan kerja yang berkaitan dengan magang keterampilan dalam lingkup jenis pekerjaan yang ditangani. Namun, jika isi permohonan melanggar hukum, atau kondisi kerja seperti upah dan jam kerja dianggap sangat tidak layak dibandingkan dengan standar umum, atau jika pelaksana magang tidak menjelaskan kondisi kerja, maka permohonan tidak akan diterima.

2 求人申し込みは、団体監理型実習実施者等又はその代理人の方が直接来所されて、所定の求人票によりお申込みください。なお、直接来所できないときは、郵便、電話、ファックス又は電子メールでも差し支えありません。

Đơn đăng ký tuyển dụng phải được nộp trực tiếp tại cơ sở bởi người thực hiện thực tập hoặc đại diện của họ bằng mẫu đơn quy định. Trường hợp không thể đến trực tiếp, có thể nộp qua bưu điện, điện thoại, fax hoặc email.

Permohonan lowongan kerja harus diajukan langsung ke kantor oleh pelaksana magang atau perwakilannya menggunakan formulir yang ditentukan. Jika tidak dapat datang langsung, dapat diajukan melalui pos, telepon, faks, atau email.

3 求人申込みの際には、業務の内容、賃金、労働時間その他の労働条件をあらかじめ書面の交付又は電子メールの使用により明示してください。ただし、紹介の実施について緊急の必要があるため、あらかじめ書面の交付又は電子メールの使用による明示ができないときは、当該明示すべき事項をあらかじめこれらの方法以外の方法により明示してください。

Khi đăng ký tuyển dụng, vui lòng nêu rõ nội dung công việc, tiền lương, thời gian làm việc và các điều kiện lao động khác bằng văn bản hoặc email. Trong trường hợp khẩn cấp không thể sử dụng các phương pháp trên, có thể sử dụng phương pháp khác để thông báo trước.

Saat mengajukan permohonan lowongan kerja, harap jelaskan terlebih dahulu isi pekerjaan, upah, jam kerja, dan kondisi kerja lainnya melalui dokumen tertulis atau email. Jika karena alasan mendesak tidak memungkinkan, maka informasi tersebut harus disampaikan dengan cara lain yang sesuai.

4 求人受付の際には、監理費（職業紹介費）を、別表の監理費表に基づき申し受けます。いったん申し受けました手数料は、紹介の成否にかかわらずお返しいたしません。Khi tiếp nhận đơn tuyển dụng, phí giám sát (phí giới thiệu việc làm) sẽ được thu theo bảng phí quy định. Phí đã thu sẽ không được hoàn lại dù việc giới thiệu có thành công hay không.

Saat menerima permohonan lowongan kerja, biaya pengawasan (biaya penempatan kerja) akan dikenakan sesuai dengan tabel biaya yang ditentukan. Biaya yang telah dibayarkan tidak akan dikembalikan terlepas dari hasil penempatan.

第3 求職

Mục 3: Tìm việc

Bagian 3: Pencari kerja

1 本事業所は、(取扱職種の範囲等)の技能実習に関する限り、いかなる求職の申込みについてもこれを受理します。ただし、その申込みの内容が法令に違反するときは、これを受理しません。

Cơ sở này sẽ tiếp nhận mọi đơn đăng ký tìm việc liên quan đến thực tập kỹ năng trong phạm vi ngành nghề được xử lý. Tuy nhiên, nếu nội dung đăng ký vi phạm pháp luật thì đơn sẽ không được chấp nhận.

Tempat usaha ini menerima semua permohonan pencarian kerja yang berkaitan dengan magang keterampilan dalam lingkup jenis pekerjaan yang ditangani. Namun, jika isi permohonan melanggar hukum, maka permohonan tidak akan diterima.

2 求職申込みは、団体監理型技能実習生等又はその代理人（外国の送出機関から求職の申込みの取次ぎを受けるときは、外国の送出機関）から、所定の求人票によりお申込みください。郵便、電話、ファックス又は電子メールで差し支えありません。

Đơn đăng ký tìm việc phải được nộp bằng mẫu đơn quy định bởi thực tập sinh theo hình thức giám sát tập thể hoặc đại diện của họ (trường hợp nhận từ cơ quan phái cử nước ngoài thì do cơ quan đó nộp). Có thể nộp qua bưu điện, điện thoại, fax hoặc email.

Permohonan pencarian kerja harus diajukan menggunakan formulir yang ditentukan oleh peserta magang tipe pengawasan kelompok atau perwakilannya (jika diajukan melalui lembaga pengirim dari luar negeri, maka oleh lembaga tersebut). Dapat diajukan melalui pos, telepon, faks, atau email.

第4 技能実習に関する職業紹介

Mục 4: Giới thiệu nghề nghiệp liên quan đến thực tập kỹ năng

Bagian 4: Penempatan kerja terkait magang keterampilan

1 団体監理型技能実習生等の方には、職業安定法第2条にも規定される職業選択の自由の趣旨を踏まえ、その御希望と能力に応ずる職業に速やかに就くことができるよう極力お世話いたします。

Đối với thực tập sinh theo hình thức giám sát tập thể, chúng tôi sẽ hỗ trợ tối đa để họ có thể nhanh chóng làm việc trong ngành nghề phù hợp với nguyện vọng và năng lực của mình, dựa trên tinh thần tự do lựa chọn nghề nghiệp được quy định tại Điều 2 Luật ổn định việc làm.

Bagi peserta magang tipe pengawasan kelompok, kami akan berusaha semaksimal mungkin agar mereka dapat segera bekerja di bidang yang sesuai dengan keinginan dan kemampuan mereka, berdasarkan semangat kebebasan memilih pekerjaan sebagaimana diatur dalam Pasal 2 Undang-Undang Stabilitas Ketenagakerjaan.

2 団体監理型実習実施者等の方には、その御希望に適合する団体監理型技能実習生等を極力お世話いたします。

Đối với người thực hiện thực tập theo hình thức giám sát tập thể, chúng tôi sẽ hỗ trợ tối đa để giới thiệu thực tập sinh phù hợp với nguyện vọng của họ.

Bagi pelaksana magang tipe pengawasan kelompok, kami akan berusaha semaksimal mungkin untuk mempertemukan mereka dengan peserta magang yang sesuai dengan harapan mereka.

3 技能実習職業紹介に際しては、団体監理型技能実習生等の方に、技能実習に関する職業紹介において、従事することとなる業務の内容、賃金、労働時間その他の労働条件をあらかじめ書面の交付又は希望される場合には電子メールの使用により明示します。ただし、技能実習に

関する職業紹介の実施について緊急の必要があるためあらかじめ書面の交付又は電子メールの使用による明示ができないときは、あらかじめそれらの方法以外の方法により明示を行います。

Khi giới thiệu nghề nghiệp liên quan đến thực tập kỹ năng, chúng tôi sẽ thông báo trước cho thực tập sinh về nội dung công việc, tiền lương, thời gian làm việc và các điều kiện lao động khác bằng văn bản hoặc email nếu có yêu cầu. Trong trường hợp khẩn cấp không thể sử dụng các phương pháp trên, sẽ sử dụng phương pháp khác để thông báo trước.

Saat melakukan penempatan kerja terkait magang keterampilan, kami akan menjelaskan terlebih dahulu kepada peserta magang mengenai isi pekerjaan, upah, jam kerja, dan kondisi kerja lainnya melalui dokumen tertulis atau email jika diminta. Jika karena alasan mendesak tidak memungkinkan, maka informasi tersebut akan disampaikan dengan cara lain yang sesuai.

4 団体監理型技能実習生等の方を団体監理型実習実施者等に紹介する場合には、紹介状を発行します。その紹介状を持参して団体監理型実習実施者等との面接を行っていただきます。

Khi giới thiệu thực tập sinh theo hình thức giám sát tập thể cho người thực hiện thực tập, chúng tôi sẽ cấp giấy giới thiệu. Thực tập sinh sẽ mang theo giấy giới thiệu để tham gia phỏng vấn với người thực hiện thực tập.

Saat memperkenalkan peserta magang tipe pengawasan kelompok kepada pelaksana magang, kami akan mengeluarkan surat pengantar. Peserta magang akan membawa surat tersebut untuk melakukan wawancara dengan pelaksana magang.

5 いったん求人、求職の申込みを受けた以上、責任をもって技能実習に関する職業紹介の労をとります。

Sau khi đã tiếp nhận đơn đăng ký tuyển dụng hoặc tìm việc, chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm thực hiện việc giới thiệu nghề nghiệp liên quan đến thực tập kỹ năng.

Setelah menerima permohonan lowongan kerja atau pencarian kerja, kami akan bertanggung jawab dalam melakukan penempatan kerja terkait magang keterampilan.

6 本事業所は、労働争議に対する中立の立場をとるため、同盟罷業又は作業閉鎖の行われている間は団体監理型実習実施者等に、技能実習に関する職業紹介をいたしません。

Cơ sở này giữ lập trường trung lập đối với tranh chấp lao động, do đó sẽ không thực hiện giới thiệu nghề nghiệp liên quan đến thực tập kỹ năng trong thời gian diễn ra đình công hoặc đóng cửa nơi làm việc.

Tempat usaha ini mengambil posisi netral terhadap perselisihan perburuhan, oleh karena itu tidak akan melakukan penempatan kerja terkait magang keterampilan selama terjadi pemogokan atau penutupan tempat kerja.

7 就職が決定しましたら求人された方から監理費（職業紹介費）を、別表の監理費表に基づき申し受けます。

Khi việc làm đã được quyết định, chúng tôi sẽ thu phí giám sát (phí giới thiệu việc làm) từ bên tuyển dụng theo bảng phí quy định.

Setelah pekerjaan ditetapkan, kami akan mengenakan biaya pengawasan (biaya penempatan kerja) dari pihak perekrut sesuai dengan tabel biaya yang ditentukan.

第 5 団体監理型技能実習の実施に関する監理

Mục 5: Giám sát việc thực hiện thực tập kỹ năng theo hình thức giám sát tập thể

Bagian 5: Pengawasan terhadap Pelaksanaan Magang Keterampilan Tipe Pengawasan Kelompok

1 団体監理型実習実施者が認定計画に従って技能実習を行わせているか等、監理責任者の指揮の下、主務省令第 52 条第 1 号イからホまでに定める方法（業務の性質上困難な場合は他の適切な方法）によって 3 か月に 1 回以上の頻度で監査を行う。必要に応じて直ちに監査を行う。

Dưới sự chỉ đạo của người chịu trách nhiệm giám sát, việc kiểm tra sẽ được thực hiện ít nhất 1 lần mỗi 3 tháng theo các phương pháp được quy định tại Điều 52, Khoản 1 từ mục a đến e của Thông tư Bộ chủ quản. Nếu tính chất công việc khiến việc này khó khăn, có thể sử dụng phương pháp thích hợp khác. Nếu có nghi ngờ vi phạm, sẽ tiến hành kiểm tra ngay lập tức.

Di bawah arahan penanggung jawab pengawasan, audit akan dilakukan setidaknya sekali setiap 3 bulan sesuai dengan metode yang ditentukan dalam Pasal 52 Ayat 1 huruf a hingga e dari Peraturan Menteri yang berwenang. Jika sifat pekerjaan menyulitkan, metode lain yang sesuai dapat digunakan. Jika ada dugaan pelanggaran, audit akan segera dilakukan.

2 第 1 号団体監理型技能実習に係る監理では、1 か月に 1 回以上、認定計画に従って実習が行われているかを実地で確認し、必要な指導を行う。

Đối với thực tập kỹ năng loại 1, sẽ xác nhận thực tế ít nhất 1 lần mỗi tháng xem việc thực tập có được thực hiện theo kế hoạch đã được phê duyệt hay không, đồng thời đưa ra hướng dẫn cần thiết.

Untuk magang keterampilan tipe 1, akan dilakukan verifikasi langsung setidaknya sekali sebulan untuk memastikan bahwa pelaksanaan magang sesuai dengan rencana yang disetujui, serta memberikan bimbingan yang diperlukan.

3 技能実習を労働力の需給の調整手段と誤認させるような勧誘や紹介は行わない。

Không được giới thiệu hoặc quảng bá chương trình thực tập kỹ năng như một phương tiện điều chỉnh cung cầu lao động.

Tidak akan dilakukan promosi atau pengenalan magang keterampilan sebagai sarana penyesuaian penawaran dan permintaan tenaga kerja.

4 第 1 号団体監理型技能実習では、入国後講習を実施し、その期間中は業務に従事させない。

Trong thực tập kỹ năng loại 1, phải thực hiện khóa đào tạo sau khi nhập cảnh và không được để thực tập sinh làm việc trong thời gian đó.

Dalam magang keterampilan tipe 1, pelatihan pasca kedatangan harus dilakukan dan peserta magang tidak boleh bekerja selama periode tersebut.

5 技能実習計画作成時には、実習先事業所や宿泊施設を実地確認し、必要な指導を行う。

Khi lập kế hoạch thực tập kỹ năng, phải kiểm tra thực tế nơi thực tập và nơi ở của thực tập sinh, đồng thời đưa ra hướng dẫn cần thiết.

Saat menyusun rencana magang keterampilan, tempat kerja dan akomodasi peserta magang harus diperiksa secara langsung dan diberikan bimbingan yang diperlukan.

6 技能実習生の帰国旅費（第3号技能実習の開始前の一時帰国を含む）を負担し、円滑な帰国を支援する。

Chịu chi phí vé máy bay về nước cho thực tập sinh (bao gồm cả trường hợp về nước tạm thời trước khi bắt đầu thực tập loại 3) và hỗ trợ họ về nước suôn sẻ.

Menanggung biaya kepulangan peserta magang (termasuk kepulangan sementara sebelum memulai magang tipe 3) dan memberikan dukungan agar mereka dapat kembali ke negara asal dengan lancar.

7 認定計画と異なる内容の取り決めに技能実習生と行わない。

Không được ký kết thỏa thuận với thực tập sinh có nội dung trái với kế hoạch đã được phê duyệt.

Tidak akan membuat kesepakatan dengan peserta magang yang bertentangan dengan rencana yang telah disetujui.

8 実習監理中の技能実習生からの相談に適切に対応し、必要な助言・指導を行う。

Phản hồi thích hợp các tư vấn từ thực tập sinh trong quá trình giám sát và đưa ra lời khuyên, hướng dẫn cần thiết.

Menanggapi dengan tepat konsultasi dari peserta magang selama pengawasan dan memberikan saran serta bimbingan yang diperlukan.

9 監理団体の許可証を事業所内に備え付け、本規程をインターネットで公表する（困難な場合は事業所内に掲示）。

Giấy phép của tổ chức giám sát phải được lưu giữ tại cơ sở và quy chế này phải được công bố trên Internet (nếu không thể, phải dán tại nơi dễ thấy trong cơ sở).

Sertifikat izin organisasi pengawasan harus disimpan di tempat usaha dan peraturan ini harus diumumkan di internet (jika tidak memungkinkan, harus dipasang di tempat yang mudah dilihat di dalam kantor).

10 技能実習の継続が困難な場合、他の監理団体と連携し、実習継続を支援する。

Nếu việc tiếp tục thực tập trở nên khó khăn, sẽ phối hợp với tổ chức giám sát khác để hỗ trợ thực tập sinh tiếp tục thực tập.

Jika pelaksanaan magang menjadi sulit, akan dilakukan koordinasi dengan organisasi pengawasan lain untuk mendukung kelanjutan magang.

11 その他、技能実習関係法令に従って業務を実施する。

Ngoài ra, sẽ thực hiện công việc theo các quy định liên quan đến thực tập kỹ năng.

Selain itu, kegiatan akan dilaksanakan sesuai dengan peraturan terkait magang keterampilan.

第6 監理責任者

Mục 6: Người chịu trách nhiệm giám sát

Bagian 6: Penanggung Jawab Pengawasan

1 本事業所の監理責任者は、多胡 勝仁です。

Người chịu trách nhiệm giám sát của cơ sở này là ông Katsuhito Tago.

Penanggung jawab pengawasan di tempat usaha ini adalah Bapak Katsuhito Tago.

2 監理責任者は、以下に関する事項を統括管理します。

Người chịu trách nhiệm giám sát sẽ quản lý tổng thể các nội dung sau đây:

Penanggung jawab pengawasan mengelola secara keseluruhan hal-hal berikut:

(1) 団体監理型技能実習生の受入れの準備

Chuẩn bị tiếp nhận thực tập sinh theo hình thức giám sát tập thể

Persiapan penerimaan peserta magang tipe pengawasan kelompok

(2) 団体監理型技能実習生の技能等の修得等に関する団体監理型実習実施者への指導及び助言並びに団体監理型実習実施者との連絡調整

Hướng dẫn và tư vấn cho người thực hiện thực tập về việc đào tạo kỹ năng của thực tập sinh, đồng thời điều phối liên lạc với người thực hiện thực tập

Memberikan bimbingan dan saran kepada pelaksana magang mengenai perolehan keterampilan peserta magang, serta mengoordinasikan komunikasi dengan pelaksana magang

(3) 団体監理型技能実習生の保護

Bảo vệ thực tập sinh theo hình thức giám sát tập thể

Perlindungan peserta magang tipe pengawasan kelompok

(4) 団体監理型実習実施者等及び団体監理型技能実習生等の個人情報管理

Quản lý thông tin cá nhân của người thực hiện thực tập và thực tập sinh theo hình thức giám sát tập thể

Pengelolaan informasi pribadi pelaksana magang dan peserta magang tipe pengawasan kelompok

(5) 団体監理型技能実習生の労働条件、産業安全及び労働衛生に関し、技能実習責任者との連絡調整に関すること

Điều phối liên lạc với người phụ trách thực tập kỹ năng về điều kiện lao động, an toàn công nghiệp và vệ sinh lao động của thực tập sinh

Koordinasi dengan penanggung jawab magang keterampilan mengenai kondisi kerja, keselamatan industri, dan kesehatan kerja peserta magang

(6) 国及び地方公共団体の機関、機構その他関係機関との連絡調整

Điều phối liên lạc với các cơ quan quốc gia, tổ chức công và các cơ quan liên quan khác

Koordinasi dengan lembaga pemerintah pusat dan daerah, serta lembaga terkait lainnya

第7 監理費の徴収

Mục 7: Thu phí giám sát

Bagian 7: Pemungutan Biaya Pengawasan

1 監理費は、団体監理型実習実施者等へあらかじめ用途及び金額を明示した上で徴収します。

Phí giám sát sẽ được thu sau khi đã thông báo rõ ràng trước về mục đích sử dụng và số tiền đối với người thực hiện thực tập theo hình thức giám sát tập thể.

Biaya pengawasan akan dipungut setelah terlebih dahulu menjelaskan tujuan dan jumlahnya kepada pelaksana magang tipe pengawasan kelompok.

2 監理費（職業紹介費）は、団体監理型実習実施者等から求人の申込みを受理した時以降に、別表の監理費表に基づき申し受けます。その額は、雇用関係の成立のあっせんに係る事務に要する費用（募集・選抜に要する人件費、交通費、外国の送出機関へ支払う費用その他の実費に限る）を超えない額とします。

Phí giám sát (phí giới thiệu việc làm) sẽ được thu từ người thực hiện thực tập sau khi tiếp nhận đơn tuyển dụng, theo bảng phí quy định. Số tiền này không vượt quá chi phí thực tế cần thiết cho việc môi giới thiết lập quan hệ lao động (bao gồm chi phí nhân công tuyển chọn, chi phí đi lại, phí trả cho cơ quan phái cử nước ngoài, v.v.).

Biaya pengawasan (biaya penempatan kerja) akan dipungut dari pelaksana magang setelah menerima permohonan lowongan kerja, sesuai dengan tabel biaya yang ditentukan. Jumlahnya tidak melebihi biaya aktual yang diperlukan untuk mediasi pembentukan hubungan kerja (termasuk biaya tenaga kerja untuk perekrutan dan seleksi, biaya transportasi, biaya yang dibayarkan kepada lembaga pengirim asing, dan biaya nyata lainnya).

3 監理費（講習費）は、入国前講習に要する費用にあっては入国前講習の開始日以降に、入国後講習に要する費用にあっては入国後講習の開始日以降に、団体監理型実習実施者等から、別表の監理費表に基づき申し受けます。その額は、監理団体が実施する講習に要する実費（施設使用料、講師・通訳への謝金、教材費、手当等）を超えない額とします。

Phí giám sát (phí đào tạo) sẽ được thu từ người thực hiện thực tập sau ngày bắt đầu khóa đào tạo trước hoặc sau khi nhập cảnh, theo bảng phí quy định. Số tiền này không vượt quá chi phí thực tế cần thiết cho việc tổ chức đào tạo (bao gồm phí sử dụng cơ sở, thù lao cho giảng viên và phiên dịch, chi phí tài liệu, trợ cấp, v.v.).

Biaya pengawasan (biaya pelatihan) akan dipungut dari pelaksana magang setelah tanggal mulai pelatihan sebelum atau sesudah kedatangan, sesuai dengan tabel biaya yang ditentukan. Jumlahnya tidak melebihi biaya aktual yang diperlukan untuk pelaksanaan pelatihan oleh organisasi pengawasan (termasuk biaya penggunaan fasilitas, honorarium untuk pengajar dan penerjemah, biaya bahan ajar, tunjangan, dan biaya nyata lainnya).

4 監理費（監査指導費）は、団体監理型技能実習生が業務に従事し始めた時以降、一定期間ごとに、団体監理型実習実施者から、別表の監理費表に基づき申し受けます。その額は、監査・指導に要する実費（人件費、交通費等）を超えない額とします。

Phí giám sát (phí kiểm tra và hướng dẫn) sẽ được thu từ người thực hiện thực tập theo từng khoảng thời gian sau khi thực tập sinh bắt đầu làm việc, theo bảng phí quy định. Số tiền này không vượt quá chi phí thực tế cần thiết cho việc kiểm tra và hướng dẫn (bao gồm chi phí nhân công, chi phí đi lại, v.v.).

Biaya pengawasan (biaya audit dan bimbingan) akan dipungut dari pelaksana magang secara berkala setelah peserta magang mulai bekerja, sesuai dengan tabel biaya yang ditentukan. Jumlahnya tidak melebihi biaya aktual yang diperlukan untuk audit dan bimbingan (termasuk biaya tenaga kerja, biaya transportasi, dll).

5 監理費（その他諸経費）は、当該費用が必要となった時以降に、団体監理型実習実施者等から、別表の監理費表に基づき申し受けます。その額は、技能実習の適正な実施及び技能実習生の保護に資する実費の範囲内とします。

Phí giám sát (các chi phí khác) sẽ được thu từ người thực hiện thực tập sau khi phát sinh chi phí, theo bảng phí quy định. Số tiền này nằm trong phạm vi chi phí thực tế cần thiết để thực hiện đúng chương trình thực tập và bảo vệ thực tập sinh.

Biaya pengawasan (biaya lainnya) akan dipungut dari pelaksana magang setelah biaya tersebut diperlukan, sesuai dengan tabel biaya yang ditentukan. Jumlahnya berada dalam batas biaya nyata yang diperlukan untuk pelaksanaan magang yang tepat dan perlindungan peserta magang.

第8 その他

Mục 8: Các quy định khác

Bagian 8: Lain-lain

1 本事業所は、国及び地方公共団体の機関であって技能実習に関する事務を所掌するもの、外国人技能実習機構その他関係機関と連携を図りつつ、当該事業に係る団体監理型実習実施者等又は団体監理型技能実習生等からの苦情があった場合には、迅速に、適切に対応いたします。

Cơ sở này sẽ phối hợp với các cơ quan quốc gia và địa phương có thẩm quyền về thực tập kỹ năng, Tổ chức thực tập kỹ năng cho người nước ngoài và các cơ quan liên quan khác để xử lý nhanh chóng và thích hợp các khiếu nại từ người thực hiện thực tập hoặc thực tập sinh liên quan đến hoạt động này.

Tempat usaha ini akan bekerja sama dengan lembaga pemerintah pusat dan daerah yang menangani urusan magang keterampilan, Organisasi Magang Keterampilan Asing, dan lembaga terkait lainnya untuk menanggapi keluhan dari pelaksana magang atau peserta magang secara cepat dan tepat.

2 雇用関係が成立しましたら、団体監理型実習実施者等、団体監理型技能実習生等の両方から本事業所に対して、その報告をしてください。また、技能実習に関する職業紹介されたにもかかわらず、雇用関係が成立しなかったときにも同様に報告をしてください。

Khi quan hệ lao động được thiết lập, cả người thực hiện thực tập và thực tập sinh phải báo cáo cho cơ sở này. Trường hợp không thiết lập được quan hệ lao động sau khi đã được giới thiệu nghề nghiệp, cũng phải báo cáo tương tự.

Jika hubungan kerja telah terbentuk, baik pelaksana magang maupun peserta magang harus melaporkan kepada tempat usaha ini. Jika hubungan kerja tidak terbentuk meskipun telah dilakukan penempatan kerja, laporan tetap harus disampaikan.

3 本事業所は、団体監理型技能実習生等の方又は団体監理型実習実施者等から知り得た個人的な情報は個人情報適正管理規程に基づき、適正に取り扱います。

Cơ sở này sẽ xử lý thông tin cá nhân thu được từ thực tập sinh hoặc người thực hiện thực tập theo quy định quản lý thông tin cá nhân một cách thích hợp.

Tempat usaha ini akan menangani informasi pribadi yang diperoleh dari peserta magang atau pelaksana magang sesuai dengan peraturan pengelolaan informasi pribadi yang berlaku.

4 本事業所は、団体監理型技能実習生等又は団体監理型実習実施者等に対し、その申込みの受理、面接、指導、技能実習に関する職業紹介等の業務について、人種、国籍、信条、性別、社会的身分、門地、従前の職業、労働組合の組合員であること等を理由として差別的な取扱いは一切いたしません。

Cơ sở này tuyệt đối không phân biệt đối xử đối với thực tập sinh hoặc người thực hiện thực tập trong các hoạt động như tiếp nhận đơn đăng ký, phỏng vấn, hướng dẫn, giới thiệu nghề nghiệp liên quan đến thực tập kỹ năng, dựa trên chủng tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, giới tính, địa vị xã hội, xuất thân, nghề nghiệp trước đây hoặc việc là thành viên công đoàn.

Tempat usaha ini tidak akan melakukan perlakuan diskriminatif terhadap peserta magang atau pelaksana magang dalam kegiatan seperti penerimaan permohonan, wawancara, bimbingan, dan penempatan kerja terkait magang keterampilan, berdasarkan ras, kewarganegaraan, kepercayaan, jenis kelamin, status sosial, asal-usul, pekerjaan sebelumnya, atau keanggotaan serikat pekerja.

5 本事業所の取扱職種の範囲等は、建設機械施工です。

Phạm vi ngành nghề được xử lý tại cơ sở này là: Thi công máy móc xây dựng.

Lingkup jenis pekerjaan yang ditangani oleh tempat usaha ini adalah: Pekerjaan konstruksi menggunakan mesin konstruksi.

6 本事業所の業務の運営に関する規程は、以上のとおりですが、本事業所の業務は、全て技能実習関係法令に基づいて運営されますので、御不審の点は係員に詳しくお尋ねください。

Quy chế vận hành nghiệp vụ của cơ sở này như đã nêu trên, và toàn bộ hoạt động của cơ sở sẽ được thực hiện theo các quy định liên quan đến thực tập kỹ năng. Nếu có điểm nào chưa rõ, xin vui lòng hỏi nhân viên phụ trách để được giải thích chi tiết.

Peraturan operasional tempat usaha ini sebagaimana dijelaskan di atas, dan seluruh kegiatan akan dijalankan sesuai dengan peraturan terkait magang keterampilan. Jika ada hal yang belum jelas, silakan bertanya kepada petugas untuk penjelasan lebih lanjut.